

Số: 398/ QĐ-YHP

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

***V/v công nhận tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa hệ chính quy
khoá 2004 - 2010***

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.
- Căn cứ vào biên bản của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa cho sinh viên hệ chính quy khoá 2004 – 2010 ngày 19/7/2010.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa hệ chính quy cho **259 (Hai trăm năm mươi chín)** sinh viên khoá 2004 – 2010 kể từ ngày 20/7/2010, trong đó có:

08 sinh viên tốt nghiệp loại **Giỏi**

161 sinh viên tốt nghiệp loại **Khá**

87 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình Khá**

03 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình**

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Trung tâm TT-Thư viện, Ban QL KTX và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT (Vụ ĐH);
- Bộ Y tế (Vụ KHĐT);
- Như điều 2;
- Lưu ĐT, HCTH.

Hiệu trưởng

(Đã ký)

PGS. TS. Phạm Văn Thức

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY KHOÁ 26 (2004 - 2010)
(Kèm theo quyết định số 398 /QĐ - YHP, ngày 20 tháng 7 năm 2010)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	^{Bảng} Lớp	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
1	Đỗ Thị Thanh Bình	24/12/1986	C	Hải Dương	8.24	Giỏi
2	Phạm Thị Thuỳ	26/08/1986	D	Hưng Yên	8.20	Giỏi
3	Nguyễn Thị Dinh	02/09/1986	D	Quảng Ninh	8.17	Giỏi
4	Trần Thu Hoài	6/4/1986	C	Hải Dương	8.16	Giỏi
5	Hoàng Thị Luyến	10/10/1986	D	Hải Dương	8.16	Giỏi
6	Lê Văn Sơn	4/7/1986	B	Bắc Ninh	8.12	Giỏi
7	Vũ Thị Ngọc	04/02/1986	C	Hải Dương	8.12	Giỏi
8	Nguyễn Thị Thu Nga	24/11/1986	B	Hưng Yên	8.01	Giỏi
9	Trần Thị Yến	15/07/1987	C	Hưng Yên	7.96	Khá
10	Trần Thị Thảo	25/10/1986	A	Hải Dương	7.94	Khá
11	Trịnh Hồng Nhung	11/09/1986	B	Hải Phòng	7.93	Khá
12	Đỗ Thị Kim Oanh	27/07/1985	D	Hải Dương	7.92	Khá
13	Nguyễn Thị Đông	18/02/1986	D	Hà Nội	7.91	Khá
14	Hoàng Thị Huế	14/04/1986	D	Hưng Yên	7.90	Khá
15	Nguyễn Thị Thanh Hoài	24/10/1986	C	Hải Phòng	7.87	Khá
16	Vũ Thu Hường	01/09/1987	D	Hải Dương	7.86	Khá
17	Đỗ Minh Tùng	23/9/1986	B	Hưng Yên	7.85	Khá
18	Nguyễn Thị Bích Hằng	19/07/1985	C	Vĩnh Phúc	7.85	Khá
19	Nguyễn Thị Hà	07/11/1986	A	Hải Dương	7.84	Khá
20	Nguyễn Bảo Nam	3/7/1985	C	Hải Phòng	7.84	Khá
21	Nguyễn Hùng Tiến	17/05/1986	A	Hải Phòng	7.83	Khá
22	Đỗ Thị Hoài	06/02/1986	D	Hải Phòng	7.83	Khá
23	Lê Sao Mai	15/03/1986	D	Hưng Yên	7.83	Khá
24	Nguyễn Ngọc Ánh	11/12/1986	B	Hải Phòng	7.81	Khá
25	Đào Thị Lương	08/07/1986	C	Bắc Ninh	7.80	Khá
26	Vũ Thuý Nga	04/02/1986	D	Hải Phòng	7.80	Khá
27	Nguyễn Thị Thịnh	28/12/1985	D	Hưng Yên	7.80	Khá
28	Đỗ Thị Dừa	08/01/1986	A	Hưng Yên	7.79	Khá
29	Phạm Thị Nga	18/12/1984	D	Hải Dương	7.77	Khá
30	Đỗ Thị Thuỳ Ninh	05/12/1986	A	Hà Nội	7.75	Khá
31	Lưu Ngọc Mai	08/01/1986	D	Quảng Ninh	7.75	Khá
32	Phạm Thị Thuý Vân	29/09/1986	D	Hải Dương	7.75	Khá
33	Nguyễn Thị Phương Thảo	14/02/1987	B	Hải Phòng	7.74	Khá
34	Nguyễn Thị Mai Phương	30/11/1986	C	Hải Phòng	7.74	Khá

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
35	Phạm Thị Hồng Ánh	13/08/1986	D	Hải Dương	7.74	Khá
36	Vũ Thị Chí	13/04/1986	D	Bắc Ninh	7.74	Khá
37	Dương Thị La	26/09/1984	D	Hưng Yên	7.74	Khá
38	Nghiêm Thị Ngọc Liên	19/05/1986	B	Hải Dương	7.73	Khá
39	Phạm Thị Nhung	01/01/1986	A	Hải Dương	7.72	Khá
40	Nguyễn Mạnh Tùng	23/09/1986	B	Hải Phòng	7.72	Khá
41	Vũ Thị Vân Anh	30/03/1986	D	Bắc Ninh	7.72	Khá
42	Nguyễn Thị Phương	03/10/1985	D	Hải Dương	7.72	Khá
43	Đinh Thị Lan	18/09/1986	A	Hải Dương	7.71	Khá
44	Quách Thanh Dung	04/04/1985	C	Quảng Ninh	7.71	Khá
45	Nguyễn Thị Ngọc Bích	04/12/1985	D	Hưng Yên	7.71	Khá
46	Nguyễn Thị Tho	27/09/1986	D	Hải Dương	7.69	Khá
47	Đặng Mai Liên	13/08/1986	A	Quảng Ninh	7.64	Khá
48	Vũ Thị Huệ	17/03/1986	B	Hải Dương	7.64	Khá
49	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	27/12/1985	B	Hải Phòng	7.64	Khá
50	Đoàn Thị Quỳnh	13/11/1986	D	Hải Dương	7.64	Khá
51	Đoàn Thị Bích Huệ	07/08/1985	A	Hưng Yên	7.63	Khá
52	Trần Thị Mai	08/03/1985	C	Hải Dương	7.63	Khá
53	Nguyễn Thị Thương	06/12/1985	A	Quảng Ninh	7.62	Khá
54	Nguyễn Thị Thanh Hoà	06/11/1986	D	Hải Dương	7.62	Khá
55	Nguyễn Thị Điệp	09/09/1985	A	Bắc Ninh	7.61	Khá
56	Nguyễn Thị Thuỷ	18/06/1985	A	Bắc Ninh	7.61	Khá
57	Vũ Thị Thuỷ	04/01/1986	C	Hải Dương	7.61	Khá
58	Ngô Thị Xen	07/11/1986	D	Hải Dương	7.61	Khá
59	Nguyễn Thị Huệ	25/11/1986	B	Hải Phòng	7.60	Khá
60	Lê Thị Thắm	25/07/1986	B	Hưng Yên	7.60	Khá
61	Nguyễn Thị Thu Oanh	01/06/1986	A	Vĩnh Phúc	7.59	Khá
62	Nguyễn Thu Hằng	18/09/1986	C	Hải Phòng	7.59	Khá
63	Nguyễn Thị Huyền	23/03/1986	A	Hải Dương	7.58	Khá
64	Đặng Thị Phương Nga	08/11/1985	D	Bắc Ninh	7.58	Khá
65	Vũ Thị Duyên	14/10/1986	A	Bắc Ninh	7.57	Khá
66	Trần Hồng Hạnh	6/12/1986	B	Hải Phòng	7.56	Khá
67	Dương Thị Mỹ Hào	7/6/1986	B	Hà Nội	7.56	Khá
68	Bùi Thị Dịu	08/10/1986	C	Hải Phòng	7.56	Khá
69	Bùi Thị Nhung	03/07/1985	A	Hải Dương	7.55	Khá
70	Phạm Thị Thuỳ Linh	09/11/1986	B	Hải Dương	7.55	Khá
71	Đỗ Quang Tùng	16/11/1986	B	Hải Phòng	7.55	Khá
72	Dương Thị Dung	27/10/1986	D	Bắc Ninh	7.55	Khá
73	Đỗ Thị Hạnh	18/04/1986	D	Vĩnh Phúc	7.55	Khá
74	Phạm Lương Hiền	17/07/1986	A	Hải Dương	7.54	Khá
75	Châu Thị Hà	01/11/1986	B	Hải Dương	7.54	Khá

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
76	Nguyễn Thị	Hiền	26/10/1986	C	Hải Phòng	7.53	Khá
77	Phạm Thị Thanh	Thảo	19/11/1985	C	Hải Phòng	7.52	Khá
78	Nguyễn Thị	Hoàn	29/07/1986	B	Quảng Ninh	7.51	Khá
79	Nguyễn Văn	Tĩnh	21/07/1986	A	Hải Dương	7.50	Khá
80	Đỗ Thị Lan	Anh	22/04/1985	B	Hải Phòng	7.49	Khá
81	Đỗ Thị	Thúy	20/11/1986	B	Vĩnh Phúc	7.48	Khá
82	Vũ Văn	Sang	14/8/1986	C	Hải Dương	7.47	Khá
83	Vũ Thị	Loan	18/11/1986	D	Hưng Yên	7.47	Khá
84	Lý Thị Mai	Loan	09/10/1986	D	Quảng Ninh	7.47	Khá
85	Nguyễn Thị Bích	Hường	02/12/1985	D	Quảng Ninh	7.46	Khá
86	Phạm Văn	Tuân	03/06/1983	A	Hà Nội	7.45	Khá
87	Nguyễn Thị Thu	Hạ	12/11/1985	B	Hải Dương	7.45	Khá
88	Đỗ Thị Thuý	Hồng	04/11/1985	B	Hải Dương	7.45	Khá
89	Lê Thị	Hoa	29/11/1985	B	Hải Dương	7.43	Khá
90	Trần Việt	Hà	01/03/1985	D	Hải Dương	7.43	Khá
91	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	19/01/1986	D	Hải Phòng	7.43	Khá
92	Nguyễn Văn	Hiền	20/11/1984	D	Vĩnh Phúc	7.43	Khá
93	Nguyễn Tiến	Huy	29/12/1985	D	Hải Dương	7.41	Khá
94	Phạm Hùng	Thanh	12/12/1984	D	Quảng Ninh	7.41	Khá
95	Vương Thị	Huế	07/02/1986	D	Hải Dương	7.39	Khá
96	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/04/1986	A	Hải Dương	7.38	Khá
97	Nguyễn Thị	Dung	02/09/1986	A	Hải Dương	7.38	Khá
98	Ngô Việt	Anh	20/10/1985	A	Hải Phòng	7.36	Khá
99	Đỗ Thị	Vân	02/04/1986	C	Hải Phòng	7.36	Khá
100	Bùi Đức	Chung	08/11/1986	B	Hưng Yên	7.35	Khá
101	Nguyễn Thành	Lê	12/04/1986	A	Hải Phòng	7.34	Khá
102	Nguyễn Thanh	Luyến	07/12/1986	D	Hải Dương	7.33	Khá
103	Vũ Thị	Hiền	09/09/1985	A	Nam Định	7.32	Khá
104	Trần Đức	Linh	29/05/1986	B	Hải Phòng	7.32	Khá
105	Nguyễn Thị Hải	Hoà	16/10/1985	A	Hải Dương	7.31	Khá
106	Nguyễn Thị Thu	Phương	16/12/1985	C	Hải Phòng	7.30	Khá
107	Lê Thị Kim	Tuyết	21/04/1985	D	Hà Nội	7.30	Khá
108	Chu Thị	Hằng	01/10/1986	A	Bắc Ninh	7.29	Khá
109	Nguyễn Thị	Thùy	18/09/1985	A	Hưng Yên	7.29	Khá
110	Hoàng Văn	Định	23/02/1986	A	Hưng Yên	7.26	Khá
111	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/09/1986	B	Hà Nội	7.26	Khá
112	Nguyễn Bùi	Bình	06/10/1986	C	Hải Dương	7.26	Khá
113	Bùi Thị Thu	Hiền	03/02/1986	D	Vĩnh Phúc	7.26	Khá
114	Phạm Quyết	Thắng	09/06/1985	C	Hải Dương	7.25	Khá
115	Đàm Minh	Tĩnh	31/09/1985	A	Hưng Yên	7.23	Khá
116	Lưu Thị	T...	...	...	...	...	...

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
117	Nguyễn Thị Vân	Anh	21/12/1986	B	Hải Phòng	7.23	Khá
118	Nguyễn Văn	Thành	15/08/1985	B	Hưng Yên	7.23	Khá
119	Nguyễn Thị Cẩm	Thuý	17/09/1986	B	Hải Dương	7.23	Khá
120	Nguyễn Đức	Tiến	19/12/1986	B	Hưng Yên	7.23	Khá
121	Nguyễn Thuý	Dung	13/03/1986	A	Hải Dương	7.22	Khá
122	Cao Thị	Lan	04/05/1985	C	Hưng Yên	7.22	Khá
123	Nguyễn Thị	Phong	14/11/1985	D	Bắc Ninh	7.22	Khá
124	Lê Thị Thanh	Huyền	29/10/1985	A	Hải Phòng	7.21	Khá
125	Tô Thị Kim	Oanh	10/09/1985	B	Hải Phòng	7.21	Khá
126	Đoàn Thị Thanh	Hà	25/01/1986	C	Hải Phòng	7.21	Khá
127	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	19/05/1986	C	Hải Phòng	7.21	Khá
128	Nguyễn Xuân	Phong	11/07/1986	A	Hà Nội	7.20	Khá
129	Nguyễn Thị	Hằng	20/07/1986	B	Hưng Yên	7.20	Khá
130	Nguyễn Thị Vân	Anh	02/01/1986	B	Quảng Ninh	7.19	Khá
131	Lương Thị Hồng	Hạnh	01/06/1985	C	Hải Dương	7.18	Khá
132	Lê Văn	Hài	11/04/1985	D	Hưng Yên	7.18	Khá
133	Nguyễn Thị	Ngân	04/12/1985	B	Hải Dương	7.17	Khá
134	Phạm Thị	Ngọc	27/02/1986	B	Hải Phòng	7.17	Khá
135	Trần	Giáp	24/04/1984	D	Vĩnh Phúc	7.17	Khá
136	Nguyễn Thị	Hạnh	01/09/1985	A	Quảng Ninh	7.16	Khá
137	Trần Thị Thuý	Trang	09/01/1986	B	Hải Phòng	7.16	Khá
138	Bùi Thị Kim	Ái	14/10/1985	D	Hải Phòng	7.16	Khá
139	Nguyễn Sỹ	Huy	29/10/1986	D	Vĩnh Phúc	7.16	Khá
140	Trịnh Thị Thanh	Hằng	26/03/1986	A	Hải Dương	7.14	Khá
141	Phùng Thị Thanh	Tâm	29/09/1985	A	Vĩnh Phúc	7.13	Khá
142	Phạm Vĩnh	Thường	07/08/1986	A	Hải Dương	7.13	Khá
143	Nguyễn Thị	Giang	03/11/1986	A	Hưng Yên	7.12	Khá
144	Phạm Thị	Nết	10/10/1985	A	Hải Dương	7.12	Khá
145	Vũ Thị	Cử	19/09/1986	B	Hà Nội	7.12	Khá
146	Tạ Quang	Hiện	26/10/1984	D	Vĩnh Phúc	7.12	Khá
147	Nguyễn Xuân	Quỳnh	27/10/1986	D	Hưng Yên	7.12	Khá
148	Phạm Thị	Hiền	20/11/1985	A	Hải Phòng	7.11	Khá
149	Khổng Thị Thanh	Tâm	01/01/1985	A	Vĩnh Phúc	7.11	Khá
150	Nguyễn Thị	Trang	10/07/1986	A	Bắc Ninh	7.10	Khá
151	Đỗ Mạnh	Tùng	08/04/1986	C	Hải Dương	7.10	Khá
152	Ngô Thị Bình	Minh	05/12/1986	D	Quảng Ninh	7.10	Khá
153	Nguyễn Đình	Hùng	29/12/1985	D	Hải Dương	7.09	Khá
154	Dương Đình	Linh	01/11/1985	A	Vĩnh Phúc	7.07	Khá
155	Bùi Văn	Cảnh	28/08/1986	B	Vĩnh Phúc	7.07	Khá
156	Vũ Phương	Thơm	08/06/1985	B	Hải Phòng	7.07	Khá
157	Hoàng Thị Vy	Hương	02/08/1986	D	Hải Phòng	7.07	Khá

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
157	Hà Duy	Nam	22/07/1986	C	Quảng Ninh	7.06	Khá
158	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/03/1985	C	Hải Dương	7.06	Khá
159	Vũ Thị Thanh	Hiếu	15/07/1986	D	Bắc Ninh	7.06	Khá
160	Đàm Thị	Phượng	28/12/1984	A	Hải Dương	7.05	Khá
161	Trần Duy	Dương	04/09/1986	A	Hà Nội	7.04	Khá
162	Tạ Ngọc	Phượng	11/10/1985	D	Vĩnh Phúc	7.04	Khá
164	Tạ Duy	Dương	27/09/1986	A	Hải Phòng	7.01	Khá
165	Lương Văn	Hướng	24/03/1986	A	Hưng Yên	7.01	Khá
166	Nguyễn Mai	Lan	18/01/1986	B	Hải Phòng	7.01	Khá
167	Đào Thanh	Huy	27/02/1985	C	Hưng Yên	7.01	Khá
168	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	03/04/1985	A	Hưng Yên	7.00	Khá
169	Nguyễn Đăng	Ân	17/05/1984	D	Hải Dương	7.00	Khá
170	Đỗ Văn	Chức	14/10/1986	A	Hưng Yên	6.99	TB Khá
171	Nguyễn Văn	Trung	03/01/1984	C	Nam Định	6.99	TB Khá
172	Nguyễn Minh	Thuỳ	30/08/1986	D	Hải Dương	6.98	TB Khá
173	Đinh Thị Lan	Anh	17/10/1985	A	Hải Dương	6.97	TB Khá
174	Nguyễn Thị	Hà	11/07/1986	C	Hải Dương	6.97	TB Khá
175	Phạm Cao	Cường	04/02/1985	A	Hưng Yên	6.95	TB Khá
176	Dương Đình	Hạnh	02/07/1986	B	Bắc Ninh	6.93	TB Khá
177	Nguyễn Kông	Hải	20/08/1986	C	Hải Phòng	6.93	TB Khá
178	Khổng Thị Vân	Anh	08/02/1986	C	Hải Phòng	6.92	TB Khá
179	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	20/10/1985	D	Hà Nội	6.92	TB Khá
180	Tạ Đức	Toàn	26/08/1984	D	Quảng Ninh	6.92	TB Khá
181	Nguyễn Văn	Chính	01/04/1983	D	Bắc Ninh	6.91	TB Khá
182	Nguyễn Thị	Hằng	11/06/1986	D	Vĩnh Phúc	6.90	TB Khá
183	Lương Văn	Quân	28/07/1985	D	Hải Phòng	6.90	TB Khá
184	Đặng Thị Ngọc	Anh	11/10/1986	C	Hà Nội	6.89	TB Khá
186	Mạc Duy	Sơn	07/04/1984	D	Hải Dương	6.89	TB Khá
187	Nguyễn Hoàng	Anh	24/04/1985	D	Hải Dương	6.87	TB Khá
188	Trịnh Văn	Bình	29/08/1985	B	Vĩnh Phúc	6.85	TB Khá
189	Vũ Thị Hương	Sen	10/02/1986	B	Hải Dương	6.85	TB Khá
190	Nguyễn Đức	Hưng	27/03/1986	D	Hải Phòng	6.84	TB Khá
191	Lại Thị Thuỳ	Linh	18/11/1985	D	Hải Phòng	6.84	TB Khá
192	Đỗ Thành	Chung	25/09/1986	A	Hải Dương	6.83	TB Khá
193	Ngô Văn	An	7/8/1985	A	Hải Phòng	6.81	TB Khá
194	Vũ Tiến	Thành	11/11/1986	B	Hải Dương	6.81	TB Khá
195	Bùi Duy	Hưng	22/10/1985	C	Quảng Ninh	6.80	TB Khá
196	Lê Quang	Phượng	04/01/1986	D	Hải Dương	6.80	TB Khá
197	Nguyễn Ngọc	Ánh	15/11/1983	A	Vĩnh Phúc	6.79	TB Khá
198	Nguyễn Văn Tùng	Phượng	25/01/1985	A	Bắc Ninh	6.78	TB Khá
199	Vũ Trọng	Tài	22/07/1986	A	Bắc Ninh	6.78	TB Khá

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
200	Phạm Thị	Hương	07/04/1985	B	Hải Dương	6.77	TB Khá
201	Phạm Thị Tuyết	Linh	18/08/1986	B	Hải Dương	6.77	TB Khá
202	Trần Văn	Thuân	16/09/1984	B	Hải Dương	6.77	TB Khá
203	Nguyễn Thị	Miến	02/02/1985	A	Hưng Yên	6.76	TB Khá
204	Phạm Văn	Đức	14/03/1986	A	Bắc Ninh	6.75	TB Khá
205	Phạm Duy	Hiển	15/08/1986	A	Hải Dương	6.75	TB Khá
206	Hà Tuấn	Hùng	29/09/1986	C	Hải Dương	6.75	TB Khá
207	Kiều Xuân	Việt	02/06/1986	D	Hải Dương	6.74	TB Khá
208	Nguyễn Đức	Toàn	11/11/1985	A	Hải Dương	6.73	TB Khá
209	Nguyễn Quốc	Huy	04/01/1986	C	Hải Dương	6.72	TB Khá
210	Nguyễn Quốc	Oai	26/02/1986	C	Vĩnh Phúc	6.71	TB Khá
211	Phan Văn	Dũng	12/01/1984	D	Bắc Ninh	6.69	TB Khá
212	Đặng Thị Kim	Thanh	08/01/1987	D	Hải Phòng	6.69	TB Khá
213	Vũ Văn	Hiệp	16/10/1986	C	Vĩnh Phúc	6.67	TB Khá
214	Phạm Trung	Hiếu	05/02/1985	D	Hải Dương	6.65	TB Khá
215	Nguyễn Văn	Đạo	02/12/1986	C	Hải Dương	6.64	TB Khá
216	Phan Tiến	Mạnh	13/07/1985	D	Vĩnh Phúc	6.64	TB Khá
217	Phạm Thế	Ngọc	19/03/1985	A	Hải Dương	6.63	TB Khá
218	Đào Ngọc	Quyển	14/01/1986	C	Hưng Yên	6.62	TB Khá
219	Lưu Quốc	Hoàn	18/01/1985	D	Bắc Ninh	6.62	TB Khá
220	Nguyễn Quốc	Khánh	03/09/1983	A	Bắc Ninh	6.61	TB khá
221	Hà Thị Thanh	Loan	31/08/1985	B	Hải Dương	6.61	TB Khá
222	Phạm Hồng	Thảo	10/08/1984	A	Hải Dương	6.60	TB khá
185	Đặng Việt	Công	01/04/1985	D	Quảng Ninh	6.59	TB Khá
223	Tạ Văn	Quyết	05/06/1986	A	Vĩnh Phúc	6.59	TB Khá
224	Nguyễn Thị Tú	Quỳnh	25/05/1985	A	Hải Dương	6.59	TB Khá
225	Trần Duy	Hoàng	25/09/1983	D	Hải Dương	6.56	TB Khá
226	Nguyễn Thành	Đạt	27/01/1986	A	Hải Dương	6.55	TB Khá
227	Vũ Thị	Tho	20/08/1986	B	Hải Dương	6.53	TB Khá
228	Vũ Văn	Kiên	02/05/1986	B	Vĩnh Phúc	6.52	TB Khá
229	Đoàn Xuân	Tùng	06/04/1983	C	Hải Phòng	6.52	TB Khá
230	Nguyễn Đình	Nghĩa	07/05/1986	A	Hải Dương	6.51	TB Khá
231	Vũ Đình	Tuyên	05/08/1985	D	Hải Dương	6.51	TB Khá
232	Đào Tuấn	Duy	01/12/1985	D	Vĩnh Phúc	6.48	TB Khá
233	Phạm Duy	Thanh	05/02/1986	C	Hải Phòng	6.46	TB Khá
234	Vũ Công	Bái	04/10/1985	A	Hưng Yên	6.44	TB Khá
235	Đỗ Đình	Tân	23/07/1983	A	Hưng Yên	6.44	TB Khá
236	Vũ Xuân Thành	Chung	09/03/1986	C	Bắc Ninh	6.43	TB Khá
237	Nguyễn Đình	Dũng	12/08/1986	D	Hải Dương	6.43	TB Khá
238	Nguyễn Văn	Thuy	13/08/1983	A	Hải Dương	6.42	TB Khá
239	Bùi Tiến	Dũng	22/07/1985	A	Hải Dương	6.42	TB Khá

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
240	Nguyễn Văn	Cần	24/07/1986	A	Bắc Ninh	6.41	TB Khá
241	Tô Tiến	Thao	29/01/1986	A	Quảng Ninh	6.39	TB Khá
242	Nguyễn Thế	Linh	27/06/1985	C	Hải Dương	6.39	TB Khá
243	Trịnh Ngọc	Nam	03/02/1984	B	Minh Hải	6.37	TB Khá
245	Trần Thái	Sơn	16/03/1985	D	Hải Phòng	6.36	TB Khá
244	Nguyễn Ngọc	Minh	24/07/1984	D	Hải Dương	6.31	TB Khá
246	Vũ Minh	Hải	01/08/1986	A	Vĩnh Phúc	6.30	TB Khá
247	Nguyễn Huy	Tuấn	26/05/1986	A	Bắc Ninh	6.30	TB Khá
248	Bùi Văn	Hào	04/02/1985	A	Hải Dương	6.23	TB Khá
249	Phạm Minh	Tuấn	04/01/1986	C	Hưng Yên	6.23	TB Khá
250	Nguyễn Văn	Minh	01/10/1983	A	Vĩnh Phúc	6.20	TB Khá
251	Vũ Thị Ngọc	Hương	21/11/1985	A	Hải Phòng	6.19	TB Khá
252	Hà Ngọc	Linh	03/02/1986	A	Vĩnh Phúc	6.19	TB Khá
253	Phạm Văn	Kiên	20/03/1985	C	Hải Dương	6.14	TB Khá
254	Vũ Thế	Hoàng	10/02/1984	A	Hải Dương	6.11	TB Khá
255	Nguyễn Hồng	Thiên	16/04/1984	D	Hải Dương	6.09	TB Khá
256	Lê Đình	Liệu	04/05/1986	C	Hưng Yên	6.01	TB Khá
257	Nguyễn Đức	Hạnh	17/11/1981	D	Quảng Ninh	5.98	Trung Bình
258	Nguyễn Trường	Giang	30/12/1984	C	Vĩnh Phúc	5.96	Trung Bình
259	Nguyễn Kim	Hiệp	10/06/1985	C	Vĩnh Phúc	5.95	Trung Bình

Tổng số: 259 sinh viên, trong đó:

Giỏi	: 08 sinh viên
Khá	: 161 sinh viên
TB Khá	: 87 sinh viên
Trung bình	: 03 sinh viên

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn T. Lan Anh

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Văn Chức

Số: 436/ QĐ-YHP

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa hệ tập trung 4 năm
Khoá 2006 - 2010

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.
- Căn cứ vào biên bản của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cho sinh viên Bác sỹ đa khoa hệ tập trung 4 năm khoá 2006 – 2010 ngày 19/7/2010.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa hệ tập trung 4 năm cho **150 (Một trăm năm mươi)** sinh viên khoá 2006 – 2010 kể từ ngày 20/7/2010, trong đó có:

01 sinh viên tốt nghiệp loại **Giỏi**

49 sinh viên tốt nghiệp loại **Khá**

98 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình Khá**

02 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình**

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Trung tâm TT-Thư viện, Ban QL KTX và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT (Vụ DH);
- Bộ Y tế (Vụ KHĐT);
- Như điều 2;
- Lưu DT, HCTH.

Hiệu trưởng

(Đã ký)

PGS. TS. Phạm Văn Thúc

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
CHUYÊN TU 23 (KHOÁ 2006 - 2010)

(kèm theo quyết định số 436/QĐ/YHP, ngày 10 tháng 8 năm 2010)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
1	Phạm Thị Ứng	14/09/1981	Hải Phòng	B	8.00	Giỏi
2	Trần Thị Kim Dung	17/07/1969	Hải Phòng	A	7.70	Khá
3	Lê Thị Kim Hoa	20/11/1973	Hải Phòng	B	7.67	Khá
4	Triệu Thị Liễu	30/06/1962	Lai Châu	B	7.62	Khá
5	Nguyễn Đình Sửu	17/06/1973	Hải Dương	A	7.56	Khá
6	Phạm Trung Trường	02/08/1977	Hải Phòng	A	7.56	Khá
7	Đinh Thị Hương	14/12/1975	Quảng Ninh	A	7.53	Khá
8	Phùng Quốc Hương	03/01/1973	Thái Bình	A	7.48	Khá
9	Nguyễn Thị Quỳnh Diệp	02/09/1981	Hải Phòng	A	7.42	Khá
10	Lê Thị Thúy	17/01/1980	Hải Phòng	B	7.38	Khá
11	Hoàng Thị Lê Nhung	05/06/1979	Quảng Bình	A	7.37	Khá
12	Nguyễn Thị Huyền	21/11/1979	Hải Phòng	B	7.37	Khá
13	Nguyễn Thị Hải	29/12/1981	Hải Phòng	A	7.36	Khá
14	Nguyễn Thị Liên	17/10/1980	Hải Dương	A	7.35	Khá
15	Vì Thị Nho	12/06/1970	Quảng Ninh	B	7.32	Khá
16	Đào Văn Hiến	05/03/1965	Hải Dương	A	7.28	Khá
17	Bùi Thị Thái Thủy	20/12/1980	Hải Phòng	A	7.28	Khá
18	Phạm Văn Quỳnh	10/04/1972	Hải Phòng	A	7.27	Khá
19	Lê Văn Hương	07/08/1977	Hải Phòng	A	7.26	Khá
20	Mạc Xuân Hùng	03/10/1974	Hải Dương	A	7.25	Khá
21	Cao Đức Lực	12/05/1974	Hải Phòng	A	7.25	Khá
22	Đỗ Văn Thành	02/12/1977	Hà Nam	A	7.25	Khá
23	Đinh Hải Long	24/08/1976	Quảng Ninh	B	7.24	Khá
24	Nguyễn Văn Tuệ	17/05/1976	Bắc Ninh	B	7.24	Khá
25	Phạm Thị Vân	10/06/1980	Hải Phòng	B	7.22	Khá
26	Lê Thị Loan	06/12/1973	Quảng Ninh	B	7.20	Khá
27	Hoàng Việt Nam	20/10/1973	Hưng Yên	A	7.17	Khá
28	Đinh Công Thọ	13/07/1975	Hải Phòng	A	7.17	Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
29	Hoàng Thị Thanh	Huyền	25/06/1970	Quảng Ninh	B	7.16	Khá
30	Phạm Thị Thu	Hằng	21/05/1978	Hải Phòng	A	7.15	Khá
31	Nguyễn Thị Thu	Hiền	27/01/1972	Quảng Ninh	B	7.15	Khá
32	Vũ Thành	Long	20/06/1968	Thái Bình	A	7.14	Khá
33	Phạm Thị Thanh	Khuyên	12/08/1980	Hải Phòng	B	7.14	Khá
34	Nguyễn Thị	Phải	21/01/1965	Quảng Ninh	B	7.14	Khá
35	Ngô Văn	Trung	26/09/1969	Hải Dương	B	7.14	Khá
36	Nguyễn Xuân	Tuấn	07/07/1978	Hải Dương	A	7.12	Khá
37	Đàm Thị Hương	Giang	08/07/1973	Hải Phòng	B	7.12	Khá
38	Nguyễn Văn	Duy	28/08/1980	Thái Bình	A	7.08	Khá
39	Vũ Văn	Hiến	14/07/1975	Hung Yên	A	7.08	Khá
40	Phạm Vũ	Hùng	09/08/1976	Hải Dương	A	7.06	Khá
41	Lương Thị Hải	Ánh	25/11/1965	Quảng Ninh	B	7.06	Khá
42	Vũ Văn	Chung	17/11/1968	Quảng Ninh	B	7.06	Khá
43	Ngô Hoài	Ân	16/12/1980	Hải Phòng	B	7.04	Khá
44	Phạm Văn	Hoàng	03/04/1961	Hải Phòng	A	7.03	Khá
45	Lưu Văn	Thắng	08/02/1979	Nam Định	A	7.03	Khá
46	Vũ Thanh	Tuấn	02/12/1977	Thái Bình	A	7.03	Khá
47	Lê Trọng	Vĩnh	19/01/1981	Hải Phòng	A	7.01	Khá
48	Phạm Văn	Khanh	01/09/1964	Bắc Ninh	B	7.01	Khá
49	Nguyễn Thị	Tấm	14/01/1978	Quảng Ninh	B	7.01	Khá
50	Vũ Anh	Tuấn	28/11/1981	Hà Nam	A	7.00	Khá
1	Lê Đăng	Gương	20/10/1975	Hà Tây	A	6.97	TB Khá
52	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/1981	Hải Dương	A	6.95	TB Khá
53	Nguyễn Đình	Hào	25/07/1968	Quảng Ninh	B	6.95	TB Khá
54	Đình Biên	Thùy	27/07/1980	Quảng Ninh	B	6.95	TB Khá
55	Phí Văn	Bảy	19/12/1963	Hà Tây	A	6.92	TB Khá
56	Vũ Anh	Tuấn	24/06/1979	Hải Phòng	A	6.92	TB Khá
57	Nguyễn Thị	Dung	21/01/1967	Quảng Ninh	B	6.92	TB Khá
58	Phạm Hữu	Anh	15/11/1977	Thái Bình	A	6.91	TB Khá
59	Nguyễn Thị	Dung	21/10/1973	Hoà Bình	A	6.91	TB Khá
60	Nguyễn Thị	Đúng	19/06/1979	Hung Yên	B	6.90	TB Khá
61	Nguyễn Thị	Hằng	20/06/1974	Quảng Ninh	B	6.90	TB Khá
62	Nguyễn Hồng	Nhung	17/06/1980	Nam Định	A	6.89	TB Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
63	Đinh Thị	Xuyên	02/01/1974	Hải Phòng	B	6.88	TB Khá
64	Trần Trọng	Biên	08/11/1979	Hung Yên	A	6.86	TB Khá
65	Trần Thị	Huyền	07/07/1979	Hung Yên	B	6.85	TB Khá
66	Nguyễn Văn	Phi	20/10/1966	Hải Dương	B	6.85	TB Khá
67	Phạm Văn	Thường	04/01/1975	Hải Dương	A	6.84	TB Khá
68	Phạm Tiến	Dũng	13/01/1971	Quảng Ninh	B	6.84	TB Khá
69	Nguyễn Thị Hải	Yến	12/10/1980	Hải Dương	A	6.83	TB Khá
70	Nguyễn Sơn	Hà	02/09/1974	Hải Dương	A	6.82	TB Khá
71	Triệu Thị	Oanh	27/10/1969	Quảng Ninh	B	6.82	TB Khá
72	Phạm Văn	Thư	06/07/1962	Quảng Ninh	B	6.82	TB Khá
73	Bùi Hữu	Huân	08/01/1973	Hải Dương	A	6.81	TB Khá
74	Phạm Thị	Thúy	25/04/1969	Thái Bình	A	6.81	TB Khá
75	Nguyễn Mạnh	Tưởng	17/10/1980	Hà Tây	A	6.80	TB Khá
76	Nguyễn Duy	Huấn	06/11/1975	Quảng Ninh	B	6.80	TB Khá
77	Nguyễn Nhân	Trí	02/07/1979	Hải Dương	B	6.79	TB Khá
78	Vũ Văn	Nam	25/02/1967	Hải Dương	B	6.78	TB Khá
79	Nguyễn Thị	Phía	03/10/1980	Hải Phòng	B	6.78	TB Khá
80	Đoàn Thị	Tơ	20/10/1968	Hải Dương	B	6.78	TB Khá
81	Hà Thị Hồng	Ngân	11/05/1973	Vĩnh Phú	A	6.77	TB Khá
82	Vũ Văn	Thiện	25/10/1973	Quảng Ninh	B	6.77	TB Khá
83	Vũ Đình	Cảnh	24/04/1980	Hải Dương	B	6.76	TB Khá
84	Phạm Văn	Mạnh	23/04/1976	Hải Dương	B	6.76	TB Khá
85	Phạm Văn	Bằng	04/08/1971	Hải Phòng	B	6.75	TB Khá
86	Hà Thị Thu	Hài	23/12/1969	Hải Phòng	B	6.75	TB Khá
87	Nguyễn Viết	Dương	02/02/1980	Thái Bình	A	6.74	TB Khá
88	Hoàng Thị Lan	Phương	23/12/1969	Quảng Ninh	A	6.74	TB Khá
89	Nguyễn Hữu	Quang	25/04/1975	Bắc Ninh	B	6.74	TB Khá
90	Biện Xuân	Khởi	15/08/1974	Bắc Ninh	B	6.73	TB Khá
91	Nguyễn Văn	Sinh	09/06/1966	Nam Định	A	6.72	TB Khá
92	Đinh Tiến	Hùng	03/03/1968	Quảng Ninh	B	6.72	TB Khá
93	Nguyễn Văn	Hùng	20/06/1977	Hà Tây	A	6.71	TB Khá
94	Hà Văn	Ốán	15/01/1963	Hải Phòng	A	6.71	TB Khá
95	Mai Hồng	Diên	03/12/1965	Hải Dương	A	6.69	TB Khá
96	Lê Công	Phong	28/10/1960	Thái Bình	A	6.69	TB Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
97	Đào Thị	Quyên	12/11/1977	Hải Phòng	B	6.69	TB Khá
98	Ngô Thị	Thuần	27/07/1968	Quảng Ninh	B	6.69	TB Khá
99	Nguyễn Thạc Vũ	Huy	10/06/1975	Hà Bắc	A	6.68	TB Khá
100	Vũ Trí	Ngọc	20/08/1977	Bắc Giang	B	6.68	TB Khá
101	Nguyễn Thị	Thúy	25/12/1975	Phú Thọ	A	6.67	TB Khá
102	Bùi Bá	Quang	18/09/1980	Hải Phòng	B	6.66	TB Khá
103	Nguyễn Văn	Sản	20/11/1978	Hải Dương	A	6.65	TB Khá
104	Trần Văn	Toản	20/08/1976	Hải Phòng	A	6.63	TB Khá
105	Vũ Anh	Hắc	04/06/1974	Hải Dương	B	6.63	TB Khá
106	Vũ Thị	Hương	24/06/1970	Hải Phòng	B	6.61	TB Khá
107	Phạm Tiến	Diệp	10/10/1977	Hải Phòng	A	6.60	TB Khá
108	Liêu Văn	Thiên	10/03/1974	Quảng Ninh	B	6.60	TB Khá
109	Phạm Văn	Bảo	09/03/1977	Hải Phòng	A	6.59	TB Khá
110	Trương Văn	Cường	05/08/1978	Hà Nam	A	6.57	TB Khá
111	Vũ Thị	Xíu	05/02/1965	Quảng Ninh	B	6.57	TB Khá
112	Phùng Bá	Cường	17/07/1973	Hải Dương	A	6.56	TB Khá
113	Ngô Đức	Úy	20/07/1975	Hải Phòng	A	6.56	TB Khá
114	Phạm Văn	Đà	29/09/1972	Hải Dương	B	6.55	TB Khá
115	Vũ Quang	Hưng	31/01/1979	Hải Phòng	B	6.55	TB Khá
116	Phạm Văn	Toàn	09/06/1974	Hải Phòng	B	6.55	TB Khá
117	Đào Minh	Quang	18/10/1971	Hải Phòng	B	6.54	TB Khá
118	Vũ Đình	Quyến	16/07/1973	Quảng Ninh	B	6.53	TB Khá
119	Đinh Khắc	Tân	25/12/1966	Hải Phòng	B	6.51	TB Khá
120	Nguyễn Hồng	Phong	09/01/1972	Hải Phòng	A	6.50	TB Khá
121	Trần Quang	Toan	12/12/1962	Hải Dương	A	6.49	TB Khá
122	Lương Thị Kim	Dung	07/04/1965	Quảng Ninh	B	6.49	TB Khá
123	Đỗ Văn	Tạc	12/11/1960	Quảng Ninh	B	6.49	TB Khá
124	Nguyễn Văn	Minh	07/03/1960	Quảng Ninh	B	6.43	TB Khá
125	Lê Quang	Thoáng	26/02/1978	Hải Phòng	A	6.42	TB Khá
126	Nguyễn Anh	Tuấn	15/01/1976	Thái Bình	A	6.42	TB Khá
127	Phạm Văn	Kha	01/10/1961	Hưng Yên	B	6.41	TB Khá
128	Lê Đức	Kính	13/05/1974	Quảng Ninh	B	6.41	TB Khá
129	Nguyễn Văn	Tuấn	07/02/1975	Nam Định	A	6.40	TB Khá
130	Bùi Văn	Được	08/09/1965	Hải Phòng	B	6.39	TB Khá

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	TBTK	Xếp loại
131	Trần Tiến	Phương	01/01/1974	Hải Dương	B	6.39	TB Khá
132	Đỗ Văn	Nam	23/06/1968	Quảng Ninh	B	6.38	TB Khá
133	Chu Văn	Đô	19/08/1974	Bắc Ninh	B	6.36	TB Khá
134	Vũ Khoa	Học	09/08/1979	Hải Phòng	A	6.35	TB Khá
135	Nguyễn Văn	Vũ	18/11/1975	Hải Phòng	A	6.35	TB Khá
136	Mai Văn	Quyên	16/05/1979	Nam Định	A	6.32	TB Khá
137	Tô Xuân	Hải	08/08/1963	Quảng Ninh	B	6.32	TB Khá
138	Hoàng Gia	Liễn	21/09/1970	Hải Phòng	A	6.28	TB Khá
139	Phùng Văn	Liêu	20/02/1979	Thanh Hoá	B	6.25	TB Khá
140	Nguyễn Văn	Dinh	18/10/1977	Hải Dương	A	6.22	TB Khá
141	Nhữ Đình	Cấp	09/01/1974	Hải Dương	A	6.21	TB Khá
142	Phạm Văn	Lệ	02/09/1969	Hải Phòng	B	6.21	TB Khá
143	Lê Thị	Phượng	18/11/1974	Quảng Ninh	B	6.19	TB Khá
144	Leo Văn	Vinh	11/04/1976	Bắc Giang	B	6.19	TB Khá
145	Vũ Ngọc	Thanh	27/04/1974	Hải Phòng	B	6.18	TB Khá
146	Lưu Anh	Tuấn	04/05/1971	Nam Định	A	6.16	TB Khá
147	Nguyễn Hữu	Mai	13/07/1975	Hải Dương	A	6.09	TB Khá
148	Hà Văn	Thắng	30/10/1967	Quảng Ninh	B	6.01	TB Khá
149	Lâm Hồng	Quân	06/06/1966	Quảng Ninh	A	5.90	Trung bình
150	Lý Văn	Tân	27/10/1962	Quảng Ninh	B	5.74	Trung bình

Tổng số 150 sinh viên, trong đó:

Giỏi: 01 sinh viên
Khá: 49 sinh viên
TB khá: 98 sinh viên
Trung bình: 02 sinh viên

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Lan Anh
Nguyễn Thị Lan Anh

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Phạm Văn Thúc*

Số: 435/ QĐ-YHP

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

***V/v công nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng hệ chính quy
khóa 2006 - 2010***

Hiệu trưởng Trường Đại Học Y Hải Phòng

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.
- Căn cứ vào biên bản của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cho sinh viên Cử nhân điều dưỡng hệ chính quy khóa 2006 – 2010 ngày 19/7/2010.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng hệ chính quy cho **72 (Bảy mươi hai)** sinh viên khóa 2006 – 2010 kể từ ngày 20/7/2010, trong đó có:

52 sinh viên tốt nghiệp loại **Khá**

20 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình Khá**

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Trung tâm TT-Thư viện, Ban QL KTX và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT (Vụ ĐH);
- Bộ Y tế (Vụ KHĐT);
- Như điều 2;
- Lưu ĐT, HCTH.

Hiệu trưởng

(Đã ký)

PGS. TS. Phạm Văn Thức

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHÍNH QUY KHOÁ 2 (2006 - 2010)
(Kèm theo quyết định số 435/QĐ - YHP, ngày 10 tháng 8 năm 2010)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
1	Lê Thị Lan	07/09/1988	Hưng Yên	7.92	Khá
2	Đỗ Thị Tuyết Mai	02/09/1988	Hải Dương	7.92	Khá
3	Đỗ Thị Lan Anh	18/05/1988	Hải Phòng	7.88	Khá
4	Trần Thị Kim Dung	20/03/1988	Hải Phòng	7.86	Khá
5	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/01/1987	Hải Phòng	7.71	Khá
6	Hoàng Thị Huệ	22/12/1988	Hưng Yên	7.69	Khá
7	Nguyễn Thị Thủy	18/10/1988	Hải Dương	7.66	Khá
8	Lê Thị Thu	04/11/1987	Vĩnh Phúc	7.65	Khá
9	Phạm Thị Mai Hương	03/01/1988	Quảng Ninh	7.52	Khá
10	Nguyễn Thị Nhung	19/09/1988	Bắc Ninh	7.49	Khá
11	Phan Thu Anh	12/11/1988	Hải Dương	7.47	Khá
12	Lương Thị Mai Hương	08/12/1988	Hải Dương	7.47	Khá
13	Lê Thị Hồng	06/07/1987	Hải Phòng	7.45	Khá
14	Đỗ Thị Thuỳ Dung	20/08/1988	Hải Phòng	7.44	Khá
15	Nguyễn Thị Hương	05/06/1987	Vĩnh Phúc	7.44	Khá
16	Nguyễn Thị Quỳnh Nhung	19/09/1986	Hải Dương	7.44	Khá
17	Lê Thị Liên	08/10/1988	Hải Dương	7.43	Khá
18	Nguyễn Thị Thảo	20/02/1988	Bắc Ninh	7.42	Khá
19	Nguyễn Bích Ngọc	05/10/1988	Hải Phòng	7.41	Khá
20	Lê Thị Thu Hằng	03/04/1988	Hải Phòng	7.38	Khá
21	Hồ Thị Thìn	29/12/1988	Hưng Yên	7.38	Khá
22	Phạm Thị Mỹ Vân	15/02/1988	Hải Dương	7.36	Khá
23	Nguyễn Thị Lai	06/12/1988	Hải Dương	7.32	Khá
24	Phạm Thị Vũ Nga	19/10/1988	Hải Dương	7.31	Khá
25	Phùng Thị Nhung	08/11/1988	Vĩnh Phúc	7.31	Khá
26	Vũ Thị Hân	16/05/1988	Hải Dương	7.29	Khá
27	Đào Thị Mai Loan	05/08/1988	Hải Dương	7.29	Khá
28	Đoàn Thị Phượng	11/08/1987	Hải Dương	7.29	Khá
29	Nguyễn Đăng Trung	15/09/1987	Hải Phòng	7.29	Khá

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
30	Nguyễn Thị Phương Anh	18/02/1988	Hưng Yên	7.28	Khá
31	Nguyễn Thị Múi	10/10/1985	Hải Dương	7.27	Khá
32	Phạm Thị Thu Trang	20/10/1988	Hưng Yên	7.27	Khá
33	Bùi Thị Loan	23/11/1987	Hải Dương	7.26	Khá
34	Nguyễn Thị Huyền	31/01/1987	Bắc Ninh	7.25	Khá
35	Đặng Thị Hiền	01/03/1987	Hải Dương	7.24	Khá
36	Nguyễn Thị Kim Ngân	11/11/1988	Hải Dương	7.24	Khá
37	Hoàng Thị Quyên	05/10/1987	Hải Dương	7.24	Khá
38	Nguyễn Thị Mai	02/11/1987	Bắc Ninh	7.23	Khá
39	Nguyễn Thị Hồng Nhiên	25/09/1987	Hà Nội	7.21	Khá
40	Lương Thu Hương	12/08/1988	Hải Dương	7.20	Khá
41	Lê Thị Hằng	03/12/1988	Vĩnh Phúc	7.19	Khá
42	Bùi Thị Minh	16/01/1986	Hải Phòng	7.16	Khá
43	Nguyễn Thị Thuý Chi	01/09/1988	Hải Phòng	7.14	Khá
44	Đào Thị Hương	16/07/1988	Quảng Ninh	7.11	Khá
45	Đặng Thị Mai Liên	29/10/1987	Hải Dương	7.07	Khá
46	Nguyễn Thị Thắng	01/10/1987	Bắc Ninh	7.07	Khá
47	Phạm Thị Thanh	18/08/1987	Bắc Ninh	7.03	Khá
48	Trịnh Văn Trường	07/06/1987	Vĩnh Phúc	7.03	Khá
49	Vương Thị kim Anh	21/03/1988	Hải Dương	7.01	Khá
50	Nguyễn Thị Liên	11/05/1988	Bắc Ninh	7.00	Khá
51	Nguyễn Thị Thu	26/09/1987	Hải Dương	7.00	Khá
52	Nguyễn Thị Trang	01/02/1987	Hưng Yên	7.00	Khá
53	Nguyễn Thị Luyến	08/12/1988	Hải Dương	6.99	TB Khá
54	Nguyễn Thị Phượng	20/11/1987	Vĩnh Phúc	6.98	TB Khá
55	Đặng cao Đài	04/07/1988	Hưng Yên	6.96	TB Khá
56	Đào Thị Nga	28/08/1987	Hải Dương	6.96	TB Khá
57	Vũ Thị Hoài Vân	15/01/1988	Hải Phòng	6.96	TB Khá
58	Đồng Thị Yến Ngọc	04/11/1986	Hải Phòng	6.92	TB Khá
59	Nguyễn Thị Hiền	07/01/1987	Vĩnh Phúc	6.89	TB Khá
60	Nguyễn Thị Xuân	18/08/1988	Hải Phòng	6.86	TB Khá
61	Đồng Thị Thảo	11/03/1988	Hải Dương	6.84	TB Khá
62	Nguyễn Thị Luyến	20/04/1987	Hải Phòng	6.77	TB Khá
63	Phạm Thuý Hiền	26/06/1988	Hải Phòng	6.76	TB Khá

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
64	Nguyễn Thị Kim	Thành	11/06/1988	Hưng Yên	6.75	TB Khá
65	Khổng Minh	Độ	20/06/1988	Hải Phòng	6.74	TB Khá
66	Phạm Thị	Hằng	19/09/1988	Hải Dương	6.73	TB Khá
67	Đàm Đức	Việt	28/10/1987	Hải Phòng	6.67	TB Khá
68	Trần Thế	Tiến	20/12/1988	Hải Dương	6.66	TB Khá
69	Vũ Văn	Lợi	01/07/1987	Hải Dương	6.49	TB Khá
70	Trần Thị Lan	Anh	11/01/1988	Hải Phòng	6.32	TB Khá
71	Lê Văn	Cơ	20/05/1986	Hà Nội	6.30	TB Khá
72	Đàm Minh	Quyết	07/02/1987	Hải Phòng	6.16	TB Khá

Tổng số: 72 sinh viên, trong đó: Khá : **52** sinh viên
TB Khá : **20** sinh viên

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]

Nguyễn T. Lan Anh

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Phạm Văn Thúc*

Số: 437/ QĐ-YHP

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

***V/v công nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng
Hệ vừa làm vừa học khoá 2006 - 2010***

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.
- Căn cứ vào biên bản của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp cho sinh viên Cử nhân điều dưỡng hệ vừa làm vừa học khoá 2006 – 2010 ngày 19/7/2010.
- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Cử nhân điều dưỡng hệ vừa làm vừa học cho **66** (Sáu mươi sáu) sinh viên khoá 2006 – 2010 kể từ ngày 20/7/2010, trong đó có:

42 sinh viên tốt nghiệp loại **Khá**

24 sinh viên tốt nghiệp loại **Trung bình Khá**

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Tài chính kế toán, Trung tâm TT-Thư viện, Ban QL KTX và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT (Vụ ĐH);
- Bộ Y tế (Vụ KHĐT);
- Như điều 2;
- Lưu ĐT, HCTH.

Hiệu trưởng

(Đã ký)

PGS. TS. Phạm Văn Thúc

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 1 (2006 - 2010)
(Kèm theo quyết định số 437/QĐ-YHP, ngày 10 tháng 8 năm 2010)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
1	Nguyễn Thị	Hái	30/05/1979	Hải Phòng	7.56	Khá
2	Phan Thị	Biển	25/01/1975	Hải Phòng	7.53	Khá
3	Tô Thanh	Hà	18/08/1972	Hải Dương	7.49	Khá
4	Đào Nguyên	Hùng	01/01/1962	Hải Phòng	7.45	Khá
5	Bùi Thị	Nhiên	19/10/1973	Hải Phòng	7.42	Khá
6	Phạm Thị	Thủy	08/09/1979	Hải Phòng	7.35	Khá
7	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	10/10/1977	Hải Phòng	7.31	Khá
8	Bùi Thị	Nhị	14/12/1971	Hải Phòng	7.30	Khá
9	Vũ Thị	Nhuân	25/05/1970	Hải Phòng	7.30	Khá
10	Phạm Đức	Cường	04/11/1978	Hải Dương	7.29	Khá
11	Nguyễn Thị	Thu	20/08/1982	Hải Phòng	7.28	Khá
12	Phạm Bích	Thủy	08/06/1972	Hải Phòng	7.28	Khá
13	Hoàng Thúc	Ba	15/12/1983	Hải Phòng	7.27	Khá
14	Bùi Thị	Hà	28/08/1982	Hải Phòng	7.27	Khá
15	Đồng Thị Thanh	Thủy	12/01/1973	Hải Phòng	7.27	Khá
16	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	10/02/1971	Hải Phòng	7.26	Khá
17	Phạm Thị	Hoài	01/02/1972	Hải Phòng	7.25	Khá
18	Hà Thị	The	15/07/1963	Hải Phòng	7.22	Khá
19	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	08/04/1983	Hải Phòng	7.20	Khá
20	Tạ Thị	Bột	01/11/1970	Hải Hưng	7.19	Khá
21	Trần Thị Thúy	Hằng	03/08/1971	Hải Phòng	7.19	Khá
22	Nguyễn Thị Thanh	Nga	15/09/1979	Hải Phòng	7.19	Khá
23	Đào Thị	Thủy	27/10/1976	Hải Phòng	7.19	Khá
24	Đặng Thị Minh	Hạnh	22/03/1982	Hải Phòng	7.18	Khá
25	Đào Thị Thúy	Hồng	14/02/1979	Hải Phòng	7.18	Khá
26	Tạ Việt	Hà	16/05/1975	Nam Định	7.17	Khá
27	Nguyễn Thị Thu	Hương	11/08/1979	Hải Phòng	7.17	Khá
28	Lê Thanh	Hoàn	18/12/1978	Hải Phòng	7.15	Khá
29	Trịnh Thị	Nhã	30/08/1973	Hải Phòng	7.15	Khá
30	Phạm Huy	Phương	10/11/1977	Thái Bình	7.13	Khá
31	Nguyễn Thị Hải	Vân	18/08/1976	Hải Phòng	7.13	Khá
32	Ngô Thị	Phương	02/05/1971	Hải Phòng	7.11	Khá
33	Ngô Thị Mai	Hương	04/09/1969	Quảng Ninh	7.10	Khá
34	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	01/10/1977	Hải Phòng	7.10	Khá
35	Hoàng Thị	Thanh	22/09/1969	Hải Phòng	7.08	Khá
36	Bùi Thị	Hòa	20/10/1981	Hải Phòng	7.06	Khá

SĐT	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBTK	Xếp loại
37	Nguyễn Thanh	Mai	10/08/1977	Hải Phòng	7.05	Khá
38	Vũ Thị Hồng	Khánh	02/08/1970	Hải Phòng	7.04	Khá
39	Ngô Thị Hồng	Lương	17/03/1973	Hải Phòng	7.04	Khá
40	Phạm Thị	Thu	30/06/1981	Hải Phòng	7.04	Khá
41	Bùi Công	Khoa	09/06/1976	Hải Dương	7.02	Khá
42	Hoàng Thị Bích	Thu	13/09/1976	Nam Định	7.02	Khá
43	Vũ Xuân	Thành	08/10/1970	Hải Phòng	6.98	TB Khá
44	Nguyễn Quang	Hưng	01/05/1978	Hải Phòng	6.97	TB Khá
45	Trần Thị Thúy	Hạnh	22/11/1979	Hải Phòng	6.95	TB Khá
46	Hoàng Triều	Giang	16/11/1979	Hải Phòng	6.92	TB Khá
47	Phùng Thị An	Giang	04/02/1978	Hải Phòng	6.91	TB Khá
48	Nguyễn Thị Phương	Lan	16/11/1976	Hải Phòng	6.90	TB Khá
49	Nguyễn Thị	Hằng	10/10/1971	Sơn La	6.89	TB Khá
50	Phạm Đức	Quý	10/05/1977	Hải Phòng	6.87	TB Khá
51	Đinh Thị	Phương	31/07/1977	Hải Phòng	6.86	TB Khá
52	Trần Thị Thanh	Thủy	14/09/1974	Thái Bình	6.86	TB Khá
53	Lê Văn	Linh	02/01/1959	Hải Phòng	6.85	TB Khá
54	Phạm Duy	Bình	13/07/1982	Hải Phòng	6.83	TB Khá
55	Vũ Thị Thanh	Hương	27/11/1979	Hải Phòng	6.81	TB Khá
56	Phạm Thị	Liều	13/11/1972	Hải Dương	6.81	TB Khá
57	Tổng Thị Hương	Lan	09/02/1974	Hải Phòng	6.80	TB Khá
58	Nguyễn Đình	Thanh	04/06/1982	Hải Phòng	6.79	TB Khá
59	Lê Thị	Loan	21/11/1980	Hải Phòng	6.73	TB Khá
60	Mai Thị	Phương	27/08/1975	Hải Phòng	6.73	TB Khá
61	Đỗ Thị Hoài	Hương	14/05/1977	Hải Phòng	6.72	TB Khá
62	Đặng Hồng	Phương	16/03/1980	Hải Phòng	6.72	TB Khá
63	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	01/01/1978	Hải Phòng	6.71	TB Khá
64	Đỗ Văn	Thanh	19/03/1959	Hải Phòng	6.71	TB Khá
65	Hồ Thị Thu	Thảo	28/04/1977	Hải Phòng	6.56	TB Khá
66	Đỗ Văn	Phong	18/09/1974	Hải Dương	6.53	TB Khá

Tổng số : 66 sinh viên, trong đó: Khá

TB Khá

: 42 sinh viên

: 24 sinh viên

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Lan Anh

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. *Phạm Văn Chức*